TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

Bản án số: 100/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2026
" V/v Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Văn Mên
2. Bà Trần Thị Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long*:** Ông Cao Văn Nở, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/6/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 29/11/1987. Địa chỉ: Ấp X, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Kim Hải Đ, sinh ngày 03/10/1980. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Vào năm 2022 chị L và anh Kim Hải Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến tháng 7 năm 2025, anh Đ có tính gia trưởng, dùng những lời lẻ thô tục xúc phạm danh dự nhân phẩm chị L, vì muốn giữ hạnh phúc gia đình chị nhẫn nhịn, mong anh Đ thay đổi nhưng không có kết quả, vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi lần cải vả thì anh Đ dọn ra bên ngoài sinh sống cho đến tháng 12 năm 2025 vợ chồng ly thân đến nay, thời gian ly thân cả hai có tạo điều kiện hàn gắng, nhưng sống không còn hạnh phúc. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, không còn quan

tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn anh Kim Hải Đ.

- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Đối với bị đơn anh Kim Hải Đ, mặc dù Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh Đ vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay, chị Nguyễn Thị Hồng L xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn, về con chung không có, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Phía anh Kim Hải Đ xin xét xử vắng mặt và chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị L, về con chung không có, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025). Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147; 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025). Các Điều 51; 53; 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn anh Kim Hải Đ. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí buộc chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị L và anh Đ là tranh chấp về ly hôn; bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025);

Tại phiên tòa hôm nay, chị L, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227; 228; 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị L và anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Xét lời khai của chị L khi về chung sống với anh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị L và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của chị L xin ly hôn anh Đ, theo lời khai của chị L thì sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ có tính gia trưởng, nên thường chửi bới xúc phạm chị, từ đó vợ chồng không chia sẻ với nhau và quan tâm nhau, mỗi lần vợ chồng cự cải thì anh Đ dọn ra bên ngoài sinh sống, tháng 12 năm 2025 vợ chồng ly thân đến nay, thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết xin được ly hôn.

Về phía anh Kim Hải Đ, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết việc hôn nhân của mình, chứng minh rằng anh không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, thời gian ly thân anh Đ không quan tâm chị L, không cố gắng xây đắp tình cảm để vợ chồng đoàn tụ, phiên toà hôm nay anh Kim Hải Đ xin xét xử vắng mặt và chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị L. Từ đó nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu ly hôn anh Đ là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025);

Căn cứ các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn anh Kim Hải Đ.
- Về con chung: Không có, nên không xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004685 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.Chị L đã nộp đủ án phí.
- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Tập Sơn, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh